



qū gàn
躯干

noun · torso, trunk (of body)

Example Sentences

Rén de qū gàn bāo kuò xiōng bù hé fù bù
人的躯干包括胸部和腹部。

The human torso includes the chest and abdomen.

Zuò yǎng wò qǐ zuò kě yǐ duàn liàn qū gàn de jī ròu
做仰卧起坐可以锻炼躯干的肌肉。

Doing sit-ups can strengthen the muscles of the torso.

Trace each character, then write the word on your own.

躯	躯	躯	躯	躯	躯	躯	躯	躯	躯	躯
躯	躯	躯								
干	干	干	干	干	干					